

Số: 9026 /KH-SYT

Đồng Nai, ngày 29 tháng 10 năm 2021

KẾ HOẠCH
Thực hiện Đề án Kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh
giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

Căn cứ Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 23 tháng 3 năm 2016 của Thủ tướng chính phủ phê duyệt Đề án Kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh giai đoạn 2016 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 3671/QĐ-TTg ngày 02 tháng 8 năm 2021 của Thủ tướng chính phủ phê duyệt danh sách tỉnh, thành phố thuộc các vùng theo tỷ số giới tính khi sinh sử dụng để xây dựng Đề án Kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh giai đoạn 2021-2025;

Thực hiện Công văn số 4275/BTY-TCDS ngày 26 tháng 5 năm 2021 của Bộ Y tế về hướng dẫn xây dựng Kế hoạch thực hiện Đề án Kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Kế hoạch số 7809/KH-UBND ngày 29 tháng 8 năm 2016 về thực hiện Đề án Kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh giai đoạn 2016 - 2025 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Kế hoạch số 10205/KH-UBND ngày 25 tháng 8 năm 2020 của UBND tỉnh về hành động giai đoạn 2021 - 2025 của tỉnh Đồng Nai thực hiện Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030;

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh Đồng Nai tại Công văn số 8511/UBND-KGVX ngày 21/7/2021, Sở Y tế Đồng Nai xây dựng Kế hoạch thực hiện Đề án Kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh (MCBGTKS) giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Nâng cao nhận thức, tạo sự đồng thuận của cả cộng đồng trong việc không can thiệp lựa chọn giới tính khi sinh. Đề cao ý thức trách nhiệm của mỗi cá nhân, gia đình và cán bộ y tế trong việc thực hiện các quy định của pháp luật về nghiêm cấm cung cấp và sử dụng các dịch vụ liên quan đến lựa chọn giới tính thai nhi (LCGTTN). Không chế có hiệu quả để duy trì tỷ số giới tính khi sinh ở mức cân bằng tự nhiên góp phần nâng cao chất lượng dân số và ổn định an ninh trật tự xã hội.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2025

Duy trì tỷ số giới tính khi sinh ở mức dưới 109 bé trai/100 bé gái sinh ra sống.

3. Chỉ tiêu

a) 75% các cặp vợ chồng; nam, nữ trong độ tuổi sinh đẻ, ông bà, cha mẹ được cung cấp thông tin và hiểu được thực trạng, nguyên nhân, hậu quả của MCBGTKS; 60% các cặp vợ chồng cam kết không LCGTTN.

b) 80% vị thành niên, thanh niên, nam, nữ sắp kết hôn được cung cấp kiến thức về các hành vi vi phạm pháp luật về LCGTTN; 70% trong số đó hiểu biết đầy đủ các hành vi vi phạm pháp luật về LCGTTN.

c) 100% cán bộ và nhân viên y tế, cơ sở y tế trong tỉnh hiểu và thực hiện đúng các quy định của pháp luật về nghiêm cấm LCGTTN.

d) 100% các cơ quan truyền thông đại chúng trong tỉnh thường xuyên tuyên truyền về thực trạng và nguyên nhân, hậu quả của MCBGTKS, giá trị của trẻ em gái, vị thế của phụ nữ và bình đẳng giới.

đ) 100% các hành vi vi phạm pháp luật về LCGTTN bị phát hiện được xử lý theo quy định của pháp luật.

II. ĐỐI TƯỢNG TÁC ĐỘNG VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN

1. Đối tượng tác động

a) Đối tượng truyền thông vận động: Lãnh đạo Đảng và chính quyền, lãnh đạo các ban, ngành, đoàn thể từ tỉnh đến cơ sở; những người có uy tín trong cộng đồng (Già làng, trưởng khu/ấp, các chức sắc tôn giáo; trí thức, văn nghệ sỹ); cán bộ truyền thông, phóng viên báo chí, cán bộ y tế - dân số, người cung cấp dịch vụ...

b) Các nhóm đối tượng truyền thông chuyển đổi hành vi: Vị thành niên, thanh niên; các cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ; người cao tuổi; nhóm dân số đặc thù (người lao động trong nhà máy, công ty, khu công nghiệp, người dân tộc thiểu số...).

2. Thời gian thực hiện: giai đoạn 2021 - 2025.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Truyền thông nâng cao nhận thức và thay đổi hành vi đối với công tác kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh:

a) Cung cấp đầy đủ, thường xuyên cho các cơ quan thông tấn, báo chí các cấp về nguyên nhân và hệ lụy của MCBGTKS đối với tương lai của đất nước, các văn bản pháp luật qui định về nghiêm cấm LCGTTN; các yếu tố cản trở thực hiện không chế LCGTTN.

b) Tổ chức các cuộc nói chuyện chuyên đề về kiểm soát MCBGTKS, phổ biến, tuyên truyền, giáo dục pháp luật về nghiêm cấm, tuyên truyền, phổ biến, chẩn đoán LCGTTN.;

c) Tuyên truyền vận động trực tiếp về kiểm soát MCBGTKS đến các đối tượng tại cộng đồng, địa bàn cư trú thông qua mạng lưới cộng tác viên dân số, nhân viên y tế thôn bản và tuyên truyền viên của các ngành đoàn thể ở cơ sở;

d) Tổ chức truyền thông, tư vấn trực tiếp cho nam, nữ thanh niên chuẩn bị kết hôn, người cung cấp dịch vụ liên quan đến LCGTTN về hệ lụy và các quy định nghiêm cấm LCGTTN.

đ) Lồng ghép các nội dung truyền thông về kiểm soát MCBGTKS vào các hoạt động văn hóa tại địa phương;

e) Sản xuất, phát sóng, đăng tải các chương trình về nghiêm cấm LCGTTN; hệ lụy của MCBGTKS đối với gia đình và xã hội trên các phương tiện thông tin đại chúng;

g) Tổ chức các chiến dịch, sự kiện truyền thông phong phú, đa dạng thông qua các hội thi giao lưu về kiến thức, vẽ, thơ ca, văn nghệ, kịch... về bình đẳng giới trong đời sống gia đình và xã hội, không phân biệt con gái, con trai, không LCGTTN.

2. Biên soạn, cung cấp thông tin, tài liệu, sản phẩm truyền thông về MCBGTKS:

a) Sản xuất và cung cấp bản tin, tài liệu truyền thông vận động về thực hiện kiểm soát MCBGTKS, giới, bình đẳng giới;

b) Xây dựng các cụm pano, áp phích tuyên truyền về nghiêm cấm LCGTTN tại cấp xã, ấp/khu phố nơi tập trung dân cư, cơ sở cung cấp dịch vụ liên quan đến LCGTTN;

c) Biên tập, nhân bản các sản phẩm truyền thông dễ hiểu và phù hợp để cấp cho các đối tượng.

3. Đưa nội dung về kiểm soát MCBGTKS vào nội dung giảng dạy tại Trường Chính trị tỉnh và các trường đại học, cao đẳng trong tỉnh và vào các hoạt động ngoại khóa trong các trường trung học phổ thông, trung học cơ sở trên địa bàn tỉnh.

a) Biên soạn, nhân bản, cấp phát tài liệu giảng dạy, hướng dẫn triển khai, giám sát, hỗ trợ kỹ thuật đưa nội dung về kiểm soát MCBGTKS vào trong trương trình giảng dạy;

b) Tập huấn, bồi dưỡng kiến thức về giới, bình đẳng giới và kiểm soát MCBGTKS cho các nhà quản lý giáo dục, giáo viên trực tiếp tham gia giảng dạy của các trường học.

4. Xây dựng, thử nghiệm và mở rộng triển khai các mô hình:

a) Mô hình lồng ghép nội dung kiểm soát MCBGTKS, giới, bình đẳng giới trong các trường trung học thông qua hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp;

b) Mô hình lồng ghép nội dung kiểm soát MCBGTKS vào hương ước, quy ước của làng, bản, thôn, ấp, cụm dân cư;

c) Mô hình hỗ trợ phụ nữ và trẻ em gái đề tôn vinh, nâng cao vị thế của phụ nữ và trẻ em gái trong gia đình, cộng đồng và xã hội.

5. Các hoạt động hội nghị, hội thảo về kiểm soát MCBGTKS:

a) Tiếp tục thực hiện các nội dung của kế hoạch số Kế hoạch số 7809/KH-UBND ngày 29 tháng 8 năm 2016 về thực hiện Đề án Kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh giai đoạn 2016 - 2025 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Tổ chức hội nghị sơ kết vào năm 2023, hội nghị tổng kết vào năm 2025;

b) Tổ chức các hội thảo chuyên đề, hội nghị khoa học về kiểm soát MCBGTKS.

6. Xây dựng chính sách:

a) Tham mưu, xây dựng chính sách khen thưởng, biểu dương các tập thể, cá nhân thực hiện tốt công tác kiểm soát MCBGTKS theo quy định;

b) Triển khai thực hiện các quy tắc ứng xử đối với những hành vi, phong tục bất bình đẳng giới nhằm thực hiện hiệu quả công tác kiểm soát MCBGTKS.

7. Nâng cao hiệu lực thực thi pháp luật về cấm các hình thức LCGTTN:

a) Hỗ trợ các tổ chức xã hội nghề nghiệp đưa nội dung nghiêm cấm LCGTTN vào các quy định, quy chế, điều lệ của tổ chức áp dụng cho các thành viên;

b) Tổ chức hướng dẫn phổ biến, giáo dục pháp luật về nghiêm cấm LCGTTN cho nhân viên y tế, thành viên các tổ chức xã hội nghề nghiệp có liên quan;

c) Tổ chức cho các đơn vị, cá nhân cung cấp dịch vụ có liên quan cam kết không LCGTTN và tham gia tuyên truyền về kiểm soát MCBGTKS;

d) Giám sát, đánh giá việc thực hiện các quy định của pháp luật về nghiêm cấm LCGTTN;

đ) Định kỳ tổ chức bình xét, khen thưởng đối với tập thể thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật về nghiêm cấm LCGTTN.

8. Tổ chức thanh tra, kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm các quy định về nghiêm cấm LCGTTN, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm theo quy định của pháp luật:

Định kỳ thanh tra, kiểm tra, giám sát đối với các cơ sở sản xuất các sản phẩm truyền thông; các cơ sở cung cấp dịch vụ siêu âm, phá thai và các dịch vụ khác có liên quan đến LCGTTN; xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân vi phạm theo quy định.

9. Đào tạo, tập huấn về kiểm soát MCBGTKS:

a) Tập huấn về nội dung, phương pháp, kỹ năng truyền thông về MCBGTKS tại Trung ương.

b) Tập huấn các kiến thức, kỹ năng chuyên môn, nghiệp vụ về kiểm soát MCBGTKS cho cán bộ y tế - dân số, cán bộ thuộc các ban, ngành có liên quan;

c) Tập huấn các quy định nghiêm cấm LCGTTN cho người cung cấp dịch vụ, các thanh tra viên y tế, công chức thanh tra chuyên ngành Dân số.

10. Quản lý, giám sát Kế hoạch:

a) Định kỳ kiểm tra tiến độ thực hiện kế hoạch theo quý, năm; kịp thời tham mưu UBND tỉnh điều chỉnh những nội dung không còn phù hợp với đặc điểm tình hình mới.

b) Đánh giá, sơ kết, tổng kết kế hoạch;

c) Tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch theo quy định.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện Kế hoạch do ngân sách Nhà nước bảo đảm theo phân cấp ngân sách hiện hành và khả năng cân đối ngân sách từng năm, bố trí trong dự toán của đơn vị theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước.

(Phụ lục kinh phí đính kèm)

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các phòng chuyên môn Sở Y tế, Chi cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình căn cứ chức năng nhiệm vụ:

a) Tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo sở, ban, ngành, các cơ quan, đơn vị địa phương tiếp tục thực hiện Kế hoạch số 7809/KH-UBND ngày 29 tháng 8 năm 2016 về thực hiện Đề án Kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh giai đoạn 2016 -2025 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, chú trọng thực hiện các nhiệm vụ để đạt được các mục tiêu giai đoạn 2021 – 2025.

b) Tham mưu Ban Giám đốc chỉ đạo, đôn đốc, điều phối việc triển khai thực hiện kế hoạch tại các đơn vị địa phương.

c) Thanh tra Sở Y tế và Chi cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình:

- Tổ chức thanh tra, kiểm tra, giám sát các cơ sở cung cấp dịch vụ siêu âm, phá thai với mục đích lựa chọn giới tính khi sinh, xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân vi phạm theo quy định.

- Phối hợp Thanh tra Sở Thông tin và Truyền thông kiểm tra và xử lý các cơ sở in, phát hành có hành vi sản xuất, kinh doanh các sản phẩm có nội dung tuyên truyền, hướng dẫn lựa chọn giới tính thai nhi.

d) Tổ chức sơ kết, tổng kết, theo dõi tổng hợp báo cáo Tổng cục Dân số, Bộ Y tế và UBND tỉnh theo qui định.

2. Các đơn vị trực thuộc Sở Y tế căn cứ chức năng nhiệm vụ, xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện; cụ thể hóa nhiệm vụ từng năm phù hợp với tình hình thực tế của địa phương, đơn vị; gắn kết chặt chẽ với các kế hoạch, chương trình có liên quan, đảm bảo thực hiện các mục tiêu của Kế hoạch. Định kỳ 3 tháng, 6 tháng, 9 tháng và năm trước ngày 10 tháng 12 báo cáo tình hình triển khai thực hiện gửi Sở Y tế (thông qua Chi cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình) tổng hợp báo cáo Bộ Y tế, UBND tỉnh theo qui định.

Trên đây là Kế hoạch của Sở Y tế thực hiện Kế hoạch số 7809/KH-UBND ngày 29 tháng 8 năm 2016 về thực hiện Đề án Kiểm soát mất cân bằng giới tính khi

sinh giai đoạn 2016 - 2025 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai và Văn bản số 4275/BYT-TCDS ngày 26 tháng 5 năm 2021 của Bộ Y tế hướng dẫn xây dựng Kế hoạch thực hiện Đề án Kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh giai đoạn 2021 - 2025./.

Nơi nhận:

- Bộ Y tế;
- Tổng cục DS-KHHGD;
- UBND tỉnh; (báo cáo)
- Các Sở, ban, ngành liên quan; (phối hợp thực hiện)
- Ban Giám đốc Sở Y tế;
- Các đơn vị trực thuộc Sở Y tế;
- Các phòng chuyên môn Sở Y tế;
- Lưu: VT, NV.

GIÁM ĐỐC

Phan Huy Anh Vũ